TOÀ PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2025/HC-PT
Ngày: 19/8/2025
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phùng Anh Dũng.**

Các thẩm phán: - Ông **Trần Quốc Cường**

- Bà **Võ Thị Ngọc Dung**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Quang Toàn**- Thư ký Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Chiến** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 34/2025/TLPT-HC ngày 11 tháng 7 năm 2025 về *"Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai"*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2025/HC-ST ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình (nay là Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 255A/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Mai Ngọc V, sinh năm: 1975; địa chỉ: thôn Á, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là thôn Á, xã T, tỉnh Quảng Trị), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1975 Luật sư thuộc Công ty L nhìn pháp lý, địa chỉ: Số C, L, quận T, thành phố Đà Nẵng *nay là 30* L, phường T, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

- Người bị kiện:

+ Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình;

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch UBND xã T, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: UBND xã T, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trương Ngọc Q - Chủ tịch UBND xã T, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2024, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện ông*** Mai Ngọc V ***trình bày:***

Ngày 16/5/2024, UBND huyện Q đã ban hành Quyết định hành chính gồm: Quyết định số: 810/QĐ-UBND *phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ do giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án xây dựng công trình Đường bộ cao tốc Bắc-Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 đoạn qua* huyện Q *(Dự án thành phần đoạn* V-C*)- đợt 6* và Quyết định số: 811/QĐ-UBND về việc "*Phê duyệt và điều chỉnh phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ do giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án đường cao tốc*". Ông không đồng ý về việc xác định loại đất và giá đất đối với thửa đất số 125(7), thửa số 125(24) tờ bản đồ số 29 xã V là đất rừng sản xuất (RSX).

Ngày 24/6/2024, ông đã có Đơn đề nghị số: 24.6/BC-LV gửi đến UBND huyện Q và các phòng chức năng có liên quan về việc xem xét các căn cứ để xác định lại loại đất đối với thửa đất số 125(7), 125(24) tờ bản đồ số 29 xã V. Tuy nhiên, những đề nghị của ông không được xem xét, điều này được thể hiện rõ tại Công văn số: 791/UBND-TNMT, ngày 05/7/2024 của UBND huyện Q về việc trả lời đơn ông Mai Ngọc V. Qua đó, U cho rằng loại đất đối với thửa đất số 125(7), 125(24) tờ bản đồ số 29 xã V là đất rừng sản xuất. Các Quyết định nêu trên ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông, do vậy ngày 20/6/2024 ông đã có Đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch UBND huyện Q để khiếu nại các Quyết định nêu trên.

Trong quá trình giải quyết khiếu nại, ngày 05/8/2024 Tổ xác minh *(*được thành lập theo QĐ số: 1151/QĐ-UBND, của UBND huyện Q) đã lập báo cáo số: 03/BC- TXM gửi Chủ tịch UBND huyện Q để báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại, tại kết luận của báo cáo nêu rõ: "Thửa đất số 125(7), tờ bản đồ số 29 xã V, diện tích 4,809.4 m^2 đã được xác định loại đất là CLN (cây lâu năm) tại hồ sơ thống kê kết quả chỉnh lý địa chính ngày 13/6/2022. Thửa đất này là một phần của thửa đất 125, đã được sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau từ năm 2003 nhưng chưa được chỉnh lý nên trên hồ sơ địa chính (bản đồ năm 2016) vẫn xác định là đất BCS. Sau khi ông Mai Ngọc V có đơn đề nghị xác định ông là chủ sử dụng đối với thửa đất số 125(7), 125(24) tờ bản đồ số 29 (không có yêu cầu xác định lại loại đất), UBND xã V đã tiến hành lấy ý kiến khu dân cư ngày 12/3/2024 đã

xác định: Nguồn gốc đất: khai hoang; Thời điểm sử dụng đất: năm 2003; Tình trạng tranh chấp: không tranh chấp.

Tại Phiếu lấy ý kiến khu dân cư không có nội dung xác định loại đất đối với thửa đất 125(7) là đất Rừng sản xuất (RSX) nhưng ngày 27/3/2024, UBND xã V tổ chức họp Hội đồng xác định nguồn gốc, thời điểm và mục đích sử dụng đối với thửa đất 125(6) và 125(7) về xác định thửa đất số 125(7) tờ bản đồ số 29, diện tích 4.809,4 m, loại đất RSX.

Như vậy, việc UBND xã V tổ chức họp Hội đồng và xác định loại đất của thửa đất 125(7) là đất RSX là không có căn cứ. Hơn nữa, Hội đồng được thành lập và hoạt động với chức năng, nhiệm vụ theo căn cứ pháp lý nào chưa xác định. Từ đó, UBND xã V lập Tờ trình số 45/TTr-UBND, UBND huyện Q có Công văn số 390/UBND- TNMT, Trung tâm kỹ thuật; Tài nguyên và Môi trường đã lập bảng thống kê kết quả chỉnh lý địa chính, được Sở T1 phê duyệt ngày 19/4/2024 trong đó thực hiện điều chỉnh thửa đất số 125(7), tờ bản đồ số 29, diện tích 4.809,4 m, loại đất Trồng cây lâu năm (CLN) thành loại đất RSX, Hội đồng GPMB lập Tờ trình số 52/TTr-HĐGPMB về việc điều chỉnh T bảo thu hồi đất số 129/TB-UBND, UBND huyện ban hành Thông báo số 88/TB-UBND ngày 19/4/2024 của UBND huyện về việc điều chỉnh Thông báo thu hồi đất và UBND huyện Q ban hành Quyết định 695/QĐ-UBND về việc phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường đối với thửa đất 125(7) tờ bản đồ số 29, diện tích 4.809,4 m^2, loại đất RSX, thuộc vị trí 1, giá đất: 8.000 đồng/ m^2 là không đúng quy định vì:

Thửa đất số 125(7) đã được xác định là đất CLN theo Thông báo thu hồi đất số 129/TB-UBND ngày 15/6/2022 của UBND huyện Q và chưa phát hiện ra sai sót để xác định loại đất đối với thửa đất này, chưa được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu xác định lại và phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 22/2016/TTLT-BNNPTNN-BTNMT.

- Tại Phiếu lấy ý kiến khu dân cư không thể hiện nội dung xác định loại đất đối với thửa đất số 125(7), vì vậy, các cơ quan căn cứ Phiếu lấy ý kiến khu dân cư để xác định loại đất RSX là chưa có cơ sở.

- Đối chiếu Nghị quyết số 102/NQ-HĐND thì thửa đất 125(7), 125(24) tờ bản đồ số 29 xã V không nằm trong quy hoạch ba loại rừng và không phù hợp với quy hoạch, kế hoạch bảo vệ, phát triển rừng tại địa phương.

Từ kết quả xác minh nêu trên, Tổ xác minh có căn cứ xác định khiếu nại của ông Mai Ngọc V là đúng".

"4. Kiến nghị về việc ban hành quyết định giải quyết khiếu nại: Chủ tịch U1, ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại theo nội dung xác minh nói trên. Đồng thời, yêu cầu hội đồng GPMB thực hiện Dự án xây dựng Công trình Cao tốc Bắc - N phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn qua huyện Q điều chỉnh đối với

thửa đất 125(7) theo đúng loại đất đã xác định ban đầu (CLN); thực hiện bồi thường, hỗ trợ đối với ông Mai Ngọc V theo đúng quy định pháp luật".

Sau khi UBND huyện Q tiếp tục lấy ý kiến các cơ quan có liên quan, Tổ xác minh tiếp tục có các báo cáo số: 04/BC-TXM ngày 15/8/2024 và báo cáo số: 05/BC- TXM, ngày 28/8/2024 gửi Chủ tịch UBND huyện Q để bảo vệ toàn bộ nội dung báo cáo tại báo cáo số: 03/BC-TXM.

Tuy nhiên, Chủ tịch UBND huyện Q và Thanh tra huyện Q đã không dựa vào kết luận của Tổ xác minh để giải quyết khiếu nại theo đúng quy định của pháp luật. Qua đó, Chủ tịch UBND huyện Q đã ban hành Quyết định số: 1491/QĐ-UBND, ngày 25/9/2024 về việc giải quyết khiếu nại của ông Mai Ngọc V (lần đầu) với nội dung:

"Điều 1: Không công nhận nội dung khiếu nại của ông Mai Ngọc V đối với yêu cầu hủy một phần của Quyết định hành chính số: 810/QĐ-UBND, ngày 16/5/2024 và một phần Quyết định hành chính số: 811/QĐ-UBND, ngày 16/5/2024; lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông theo loại đất trồng cây lâu năm".

Các quyết định gồm: Quyết định hành chính số: 810/QĐ-UBND, ngày 16/5/2024 và Quyết định hành chính số: 811/QĐ-UBND, ngày 16/5/2024 của UBND huyện Q; Quyết định số: 1491/QĐ-UBND, ngày 25/9/2024 của Chủ tịch UBND huyện Q ban hành đã xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Mai Ngọc V. Bởi vì, ông V có đủ căn cứ để xác định loại đất của các nêu trên là đất trồng cây lâu năm, cụ thể:

Thứ nhất: Các thửa đất số 125(7), 125(24) tờ bản đồ số 29 xã V không nằm trong quy hoạch rừng sản xuất của huyện Q thì không thể xác định loại đất của các thử này là đất rừng sản xuất, bởi lẽ:

Theo Công văn số: 637/UBND-NN, ngày 07/6/2024 của UBND huyện Q và Công văn số: 607/CCKL-QLBVR, ngày 01/6/2024 của Chi cục kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Q đã xác định: "Các thửa đất số 125(7), 125(24) tờ bản đồ số 29 xã V không nằm trong quy hoạch của 52.324,09 ha đất rừng sản xuất huyện Q được xác định tại Phụ lục 02 đính kèm Nghị quyết số: 102/NQ-HĐND, ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Q".

Đồng thời, theo khoản 1, Điều 5 Quyết định số: 49/2016/QĐ-TTg, ngày 01/11/2016 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành quy chế quản lý rừng sản xuất thì: "Rừng sản xuất được quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng bền vững, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch bảo vệ, phát triển rừng được duyệt và những chính sách liên quan đến giảm thiểu, thích ứng biến đổi khí hậu".

Hơn nữa, nguyên tắc sử dụng đất của người dân đã được quy định rất rõ tại khoản 1 Điều 6 Luật đất đai hiện hành: "Đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và đúng mục đích sử dụng".

Từ những căn cứ nêu trên ông có thể khẳng định: loại đất của các thửa đất số 125(7), 125(24) tờ bản đồ số 29 xã V không phải là đất rừng sản xuất.

Thứ hai: Đất đang trồng loại cây lâu năm được cấp chứng quyền sở hữu phải được công nhận là đất trồng cây lâu năm, bởi lẽ:

Xét về hiện trạng trồng cây trên các thửa đất số 125(7), 125(24) là trồng cây keo, chu kỳ khai thác 05 (năm) năm, trồng với mật độ đúng tiêu chuẩn để đảm bảo việc khai thác hiệu quả.

Theo thông tư liên tịch số: 22/2016/TTLT0-BNNPTNT, ngày 30/6/2016 của Bộ N1 - Bộ T2 và MT đã ban hành "quy định loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu" thì cây keo được xác định:

- Là một trong các loại "cây lấy gỗ, cây bóng mát, cây cảnh quan lâu năm" (khoản 7 Điều 3);

- "Cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu phải có đặc tính sau:

Cây gieo trồng một lần, cho thu hoạch sản phẩm hoặc sử dụng cây lấy gỗ, cây cảnh quan, cây bóng mát, có thời gian sinh trưởng từ khi gieo trồng đến thanh lý trên năm (05) năm;" (điểm a Khoản 2 Điều 4).

Do vậy, loại cây keo ông V trồng và khai thác là loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu.

Căn cứ vào điểm 1.1.2 Phụ lục số 01 về việc "giải thích xác định các loại đất, loại đối tượng sử dụng đất, loại đối tượng quản lý đất" ban hành đính kèm Thông tư 27/2018/TT-BTNMT, ngày 14/12/2018 của Bộ T3 quy định về "thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất" đã xác định: "Đất trồng cây lâu năm là đất sử dụng vào mục đích trồng các loại cây được trồng một lần, sinh trưởng và cho thu hoạch trong nhiều năm theo quy định tại thông tư liên tịch số: 22/2016/TTLT0-BNNPTNT, ngày 30/6/2016 của Bộ N1 - Bộ T2 và MT, bao gồm: [...]

Các loại cây lâu năm khác là loại cây lấy gỗ, làm bóng mát, tạo cảnh quan(như cây xoan, bạch đàn, keo [...]".

Mặt khác, như quy định khoản 1 Điều 6 Luật đất đai hiện hành thì người sử dụng phải sử dụng đất đúng mục đích. Vậy, chúng tôi khẳng định rằng: Loại đất trồng cây lâu năm thì phải xác định là đất trồng cây lâu năm.

Thứ ba: UBND huyện Q cho rằng việc lấy ý kiến khu dân cư đã xác định mục đích sử dụng đất là đất rừng sản xuất là sai quy định, bởi lẽ:

Theo quy định của khoản 2 Điều 12 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT, ngày 19/5/2014 của Bộ T3 quy định về Hồ sơ địa chính thì *"Phiếu lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm* sử *dụng đất*" (*theo Mẫu số 05/ĐK)* chỉ thể hiện 03 (ba) nội dụng cụ thể: (1). Nguồn gốc sử dụng đất, (2). Thời điểm sử dụng đất, (3).

Tình trạng tranh chấp, không có nội dung về xác định loại đất và mục đích sử dụng đất.

Do vậy, việc căn cứ vào kết quả lấy ý kiến của khu dân cư như kết luận của UBND xã V; kết luận của UBND huyện Q tại Công văn số: 402/UBND-TNMT, ngày 19/4/2024 và Công văn số: 791/UBND-TNMT, ngày 05/7/2024 để "*xác định mục đích sử dụng là đất rừng sản xuất là đúng với hiện trạng và quá trình sử dụng ổn định và mục đích của hộ*" là không chính xác, các nội dung kết luận đối với phần mục đích sử đất là không đúng với quy định của pháp luật.

Thứ tư: Tại Quyết định số: 811/QĐ-UBND, ngày 16/5/2024 của UBND huyện Q và hồ sơ quản lý đất đai của UBND xã V đã xác định loại đất của thửa đất 125(7), tờ bản đồ số 29 là đất trồng cây lâu năm.

Trước khi chuyển đổi tượng sử dụng đất sang ông Mai Ngọc V, thửa đất trên đã được UBND xã V quản lý sử dụng và xác định loại đất là đất trồng cây lâu năm. Từ trước năm 2003 đến nay, hộ ông V đã trồng keo và khai thác đều đặn với chu kỳ 05 (năm) năm, ngoài ra ông V1 không sử dụng loại cây khác.

Việc chỉ căn cứ vào ý kiến khu dân cư để UBND huyện Q chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng cây lâu năm sang đất rừng sản xuất là không có căn cứ, điều này đã mâu thuẫn hồ sơ quản lý của UBND xã V từ trước đến nay. Do vậy, nội dung của Điều 1, Quyết định số: 811/QĐ-UBND, ngày 16/5/2024 của UBND huyện Q ban hành là thiếu căn cứ, không đúng với thực tế.

Thứ năm: Mục đích trồng keo của chủ hộ theo tiêu chuẩn của rừng sản xuất chỉ để khai thác đạt hiệu quả cao nhất, chủ hộ không mong muốn được công nhận là đất rừng sản xuất.

Theo tiêu chuẩn quốc gia của TCVN – 11570 - 2:2016 về giống cây lâm nghiệp và các văn bản hướng dẫn khách về kỹ thuật trồng keo lá tràm thì với mật độ trồng tập trung (2.000 cây – 3.000 cây /ha) là mật độ khai thác có hiệu quả nhất, mật độ này cũng được áp dụng vào việc phủ xanh đồi trọc và các khu vực có rừng khác.

Chủ hộ đã áp dụng tiêu chuẩn này để tối ưu hiệu quả kinh tế khai thác tối đa hiệu suất của các thửa đất của gia đình, chứ không phải là muốn công nhận là đất rừng. Do vậy, không thể xác định loại đất của các thửa đó là đất rừng sản xuất vì trái với mục đích sử dụng đất của chủ hộ.

Từ những luận cứ trên, ông V khẳng định các thửa đất số 125(7), 125(24) tờ bản đồ số 29 xã V là đất trồng cây lâu năm. Việc xác định sai loại đất đã dẫn đến các Quyết định hành chính của UBND huyện Q gồm: Quyết định số: 810/QĐ-UBND và Quyết định số: 811/QĐ-UBND, ban hành cùng ngày 16/5/2024 đã áp dụng sai giá trị bồi thường, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông V.

Ông Mai Ngọc Vấn đề N Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết:

1. Tuyên hủy toàn bộ đối với Quyết định số: 1491/QĐ-UBND, ngày 25/9/2024 của Chủ tịch UBND huyện Q ban hành.

2. Tuyên hủy một phần Quyết định hành chính số: 810/QĐ-UBND, ngày 16/5/2024 của UBND huyện Q cụ thể: tuyên hủy toàn bộ Điều 1 của quyết định này và toàn bộ Phụ lục đính kèm.

3. Tuyên hủy một phần Quyết định hành chính số: 811/QĐ-UBND, ngày 16/5/2024 của UBND huyện Q cụ thể: tuyên hủy toàn bộ Điều 1 của quyết định này và phần 2 của Phụ lục đính kèm.

4. Lập lại phương án bồi thường trên cơ sở loại đất là đất trồng cây lâu năm đối với thửa đất các thửa đất số 125(7), 125(24) tờ bản đồ số 29 xã V theo Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UNND tỉnh Q quy định *"Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2020 – 2024" đính kèm Phụ lục 1 về "Giá đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối tại các huyện, thị xã, thành phố"*, cụ thể:

3.1 Đối với thửa đất số 125(7), tờ bản đồ số 29, có diện tích 4.809,4 m^2 đề nghị được xác định đơn giá của đất trồng cây lâu năm, cho vị trí đối với vị trí 1, xã đồng bằng là: 33.000 (Ba mươi ba ngàn) đồng/m^2, có giá trị cụ thể:

(i). Giá trị bồi thường về đất: 4.809,4 x 33.000 đồng = 158.710.200 đồng;

Lập lại phương án hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề tìm kiếm việc làm (gấp 05 (năm) lần giá trị bồi thường căn cứ vào khoản 1 Điều 13 Quyết định số: 26/2024/QĐ-UBND, ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh Q, cụ thể:

"Điều 13. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai, khoản 3 Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

1. Khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp đối với các đối tượng quy định điểm a, điểm b khoản 1 Điều 109 Luật Đất đai thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo hình thức hỗ trợ bằng tiền. Mức hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá do UBND tỉnh ban hành đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương theo quy định tại Điều 176 Luật Đất đai".

(ii). Qua đó, giá trị hỗ trợ, đào tạo nghề tìm kiếm việc làm (gấp 05 (năm) lần giá trị bồi thường: 4.809,4 x 165.000 đồng = 793.551.000 đồng.

Tổng giá trị yêu cầu giải quyết [(i) + (ii)]: 952.261.200 (Chín trăm năm hai triệu, hai trăm sáu mốt ngàn, hai trăm) đồng.

5. Đối với thửa đất số 125(6) tờ bản đồ số 29, có diện tích 852,10 m^2 được xác định là đất nuôi trồng thủy sản; các khoản bồi thường khác; các khoản hỗ trợ;

các khoản thu hồi số tiền bồi thường, hỗ trợ chúng tôi đồng ý với giá trị đã được phê duyệt, không yêu cầu giải quyết;

6. Đối với phần diện tích 125(24) tờ bản đồ số 29 xã V đã thống nhất cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Mai Ngọc V đối với diện tích 3.363,7 m^2, ông Vấn đề N được xác định loại đất là: Đất trồng cây lâu năm.

**** Người bị kiện** Ủy ban nhân dân huyện Q **và Chủ tịch** UBND huyện Q **có ý kiến tại Công văn số 22/UBND-TTr ngày 08/01/2025 và tại phiên tòa sơ thẩm, cụ thể như sau:***

Trường hợp ông Mai Ngọc V sử dụng, sản xuất tại thửa đất số 125(7), tờ bản đồ số 29 xã V thuộc trường hợp không có giấy tờ về đất đai theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Luật Đất đai 2013.

Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (được sửa đổi bởi Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017) thì trường hợp đang sử dụng đất ổn định không có giấy tờ quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 11 của Luật Đất đai 2013 mà không phải do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì loại đất được xác định theo hiện trạng đang sử dụng.

1. Về hiện trạng sử dụng: Theo Biên bản kiểm kê ngày 09/6/2022 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện GPMB Dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía đông giai đoạn 2021-2015, đoạn qua huyện Q thì tài sản trên thửa đất số 125(7), tờ bản đồ số 9 có mương nước với diện tích 323m, keo trồng tập trung loại đường kính >10cm, mật độ 3.000 cây/ha với diện tích 4.486,4 m^2.

Theo tiêu chí rừng sản xuất quy định tại Điều 8 Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp thì:

"Điều 8. Tiêu chí rừng sản xuất

Rừng đạt tiêu chí về rừng tự nhiên, rừng trồng theo quy định tại Điều 4, Điều 5 của Nghị định này, nhưng không thuộc tiêu chí rừng đặc dụng, rừng phòng hộ quy định tại Điều 6, Điều 7 của Nghị định này.

Điều 5. Tiêu chí rừng trồng

Rừng trồng bao gồm rừng trồng mới trên đất chưa có rừng, rùng lại sau khai thác hoặc do các nguyên nhân khác, rừng trồng cải tạo nuôi nhiên nghèo kiệt và rừng trồng tái sinh sau khai thác khi đạt các tiêu chí sau đây:

1. Độ tàn che của cây rừng trồng từ 0,1 trở lên.

2. Diện tích liền vùng từ 0,3 ha trở lên.

3. Chiều cao trung bình của cây rừng được phân chia theo các điều kiện lập địa như sau:

a) Rừng trồng trên đồi, núi đất và đồng bằng, trên đất ngập phèn: chiều cao trung bình của cây rừng từ 5,0 m trở lên;

Điểm a Khoản 3 Điều 5 được sửa đổi bởi Khoản 3 Điều 1 Nghị định 91/2024/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 18/07/2024

a) Rừng trồng trên đồi, núi đất và đồng bằng: chiều cao trung bình của cây rừng từ 5,0 m trở lên; rừng trồng trên đất ngập phèn, rừng trồng ở độ cao trên 1.000 m, cây lâm nghiệp đa tác dụng và rừng trồng ở điều kiện sinh thái đặc biệt khác: chiều cao trung bình của cây rừng từ 3,0 m trở lên."

Đối chiếu với quy định trên, thửa đất số 125(7) đủ điều kiện để xác định là rừng trồng sản xuất.

2. Về thẩm quyền xác định loại đất

Theo quy định tại khoản 5, Điều 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai 2013 (được sửa đổi bởi khoản 1 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP):

"*1. Trường hợp đang sử dụng đất không có giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 11 của Luật đất đai thì loại đất được xác định như sau:*

a) Trường hợp đang sử dụng đất ổn định mà không phải do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì loại đất được xác định theo hiện trạng đang sử dụng;

b) Trường hợp đang sử dụng, đất do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì căn cứ vào nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất để xác định loại đất.

...

4. Cơ quan xác định loại đất quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư; là Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc đối tượng được sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở. Trường hợp thu hồi đất thì cơ quan có thẩm quyền xác định loại đất là cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trường hợp thửa đất có cả đối tượng thuộc thẩm quyền xác định loại đất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện thì cơ quan xác định loại đất là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh."

Như vậy, đối với trường hợp ông Mai Ngọc V, thẩm quyền xác định loại đất đối với thửa đất số 125(7) là UBND huyện.

Để xác định loại đất, trên cơ sở Tờ trình số 56/TTr-UBND ngày 10/4/2024 của UBND xã V về việc kiểm tra, xác minh loại đất trong hồ sơ trích đo thu hồi đất công trình Đường bộ cao tốc Bắc Nam, UBND huyện đã thành lập Tổ công tác rà soát xác định loại đất đối với các thửa đất tại xã V theo Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 10/4/2024. Tổ công tác đã kiểm tra, rà soát hồ sơ, bản đồ qua các thời kỳ, kiểm tra hiện trạng (ngày 11/4/2024) và có Biên bản họp thống nhất xác định loại đất ngày 16/4/2024, trong đó xác định việc sử dụng đất ổn định và mục đích sử dụng đất đối với thửa đất số 125(7), tờ bản đồ số 29 xã V thuộc phạm vi thu hồi GPMB với diện tích 4.809,4m^2 là đất rừng sản xuất.

Đồng thời, tại Biên bản làm việc ngày 11/4/2024 của Tổ công tác và ông Mai Ngọc V, ông xác nhận đã trồng cây keo từ trước đến nay, thu hoạch nhiều vụ, cây keo trồng tập trung. Thực tế tại thời điểm kiểm tra, gia đình đã tận thu các cây to, còn lại một số cây keo nhỏ có đường kính từ 2-5cm, hai bên vành đai có một số cây bạch đàn tái sinh.

Theo Phụ lục 1 giải thích cách xác định loại đất, loại đối tượng sử dụng đất, loại đối tượng quản lý đất ban hành kèm theo Thông tư số 27/2018/TT- BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ T3 quy định về kiểm kê, thống kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, tại mục 1.2 quy định:

"*Đất lâm nghiệp: Thống kê, kiểm kê đối với diện tích đất đang có rừng (gồm rừng tự nhiên và rừng trồng) đạt tiêu chuẩn rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp và đất đang được sử dụng để bảo vệ, phát triển rừng nhưng chưa đạt tiêu chuẩn rừng.*"

Tại mục 1.2.1 quy định: "*Thống kê, kiểm kê đối với đất đang có rừng và đất đang được sử dụng để phát triển rừng cho mục đích chủ yếu để cung cấp lâm sản; sản xuất, kinh doanh lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp; du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; cung ứng dịch vụ môi trường rừng. Đất rừng sản xuất bao gồm đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên, đất có rừng sản xuất là rừng trồng và đất đang được sử dụng để bảo vệ, phát triển rừng.*"

Như vậy, căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất, định nghĩa về đất lâm nghiệp, thẩm quyền xác định loại đất đủ cơ sở xác định thửa đất số 125(7) tờ bản đồ số 9 xã V là đất rừng sản xuất.

Do đó, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 811/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 về việc điều chỉnh Quyết định thu hồi đất do GPMB thực hiện Dự án công trình Đường bộ cao tốc B, đoạn qua xã V, trong đó điều chỉnh loại đất đối với thửa đất số 125(7) từ đất trồng cây lâu năm sang đất rừng sản xuất là có cơ sở.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan** UBND xã V **có ý kiến tại văn bản số 45/UBND ngày 04/4/2025 với nội dung:***

Trường hợp của ông Mai Ngọc V sử dụng, sản xuất tại thửa đất số 125 (7), tờ bản đồ số 29 xã V thuộc trường hợp không có giấy tờ về đất đai theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Luật Đất đai năm 2013. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 3

Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 thì trường hợp đang sử dụng đất ổn định không có giấy tờ quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 11 Luật Đất đai 2013 mà không phải do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì loại đất được xác định theo hiện trạng đang sử dụng. Theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về căn cứ xác định việc sử dụng đất ổn định như sau: Điều 21. Căn cứ xác định việc sử dụng đất ổn định. "*1. Sử dụng đất ổn định là việc sử dụng đất liên tục vào một mục đích chính nhất định kể từ thời điểm bắt đầu sử dụng đất vào mục đích đó đến thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất…hoặc đến thời điểm quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất…..4. Trường hợp không có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều này hoặc trên giấy tờ đó không ghi rõ thời điểm xác lập giấy tờ và mục đích sử dụng đất thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về thời điểm bắt đầu sử dụng đất và mục đích sử dụng đất trên cơ sở thu thập ý kiến của những người đã từng cư trú cùng thời điểm bắt đầu sử dụng đất của người có yêu cầu xác nhận trong khu dân cư (thôn, làng, ấp, bản, buôn, phun, sóc, tổ dân phố)nơi có đất*".

Căn cứ các quy định trên thì đối với loại đất tại thửa đất số 125 (7), tờ bản đồ số 29, UBND xã V rà soát xác định hiện trạng thực tế đang sử dụng, tổ chức lấy ý kiến khu dân cư của những người đã từng cư trú cùng thời điểm và họp xét ngày 27/3/2024 để xác định nguồn gốc, thời điểm, việc sử dụng đất ổn định và được xác định mục đích sử dụng đất đối với thửa đất số 125 (7) tờ bản đồ số 29 thuộc phạm vi thu hồi GPMB với diện tích 4.809,4 m^2 là đất rừng sản xuất (RSX). Theo kết quả lấy ý kiến khu dân cư và xác định việc sử dụng đất ổn định tại thửa đất trên thì ông Mai Ngọc V sản xuất từ năm 2003 đến thời điểm thu hồi đất, GPMB công trình đường bộ cao tốc Bắc – nam để trồng cây keo tràm tập trung và xác định mục đích sử dụng đất là đất rừng sản xuất là đúng với hiện trạng và quá trình sử dụng ổn định và mục đích sử dụng đất của hộ. mặt khác, theo Biên bản kiểm kê ngày 09/6/2022 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện GPMB dự án công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2012-2025, đoạn qua huyện Q thì tài sản trên thửa đất số 125 (7) tờ bản đồ số 29 có mương nước với diện tích 323 m^2, keo trồng tập trung loại ϕ>10cm, mật độ 3.000 cây/ha với diện tích 4.486,4 m^2.

Theo tiêu chí rừng sản xuất quy định tại Điều 8 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lâm nghiệp.

Thẩm quyền xác định loại đất: Theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai 2013 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 thì cơ quan xác định loại đất thuộc thẩm

quyền UBND huyện. UBND huyện đã căn cứ các hồ sơ liên quan, thành lập tổ công tác rà soát xác định loại đất đối với các thửa đất tại xã V theo Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 10/4/2024. Tổ công tác đã kiểm tra, rà soát hồ sơ, bản đồ qua các thời kỳ, kiểm tra hiện trạng và biên bản họp thống nhất xác định loại đất, trong đó xác định việc sử dụng đất ổn định và mục đích sử dụng đối với thửa đất số 125 (7) tờ bản đồ số 29 thuộc phạm vi thu hồi GPMB với diện tích 4.809,4 m^2 là đất rừng sản xuất. Đồng thời tại biên bản làm việc ngày 11/4/2024 của Tổ công tác và ông Mai Ngọc V, ông V xác nhận đã trồng cây keo từ trước đến nay, thu hoạch nhiều vụ, cây keo trồng tập trung và thực tế tại thời điểm kiểm tra, gia đình đã tận thu các cây to, còn lại một số cây keo nhỏ có đường kính từ 2-5cm, hai bên vanhfd dai một số cây bạch đàn tái sinh.

Theo phụ lục 1 giải thích cách xác định loại đất, loại đối tượng sử dụng đất ban hành kèm theo Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ T3 quy định về kiểm kê, thống kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, tại điểm 1.2 quy định: *Đất lâm nghiệp:* Thống kê, kiểm kê đối với diện tích đất đang có rừng (gồm rừng tự nhiên và rừng trồng) đạt tiêu chuẩn rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp và đất đang được sử dụng để bảo vệ, phát triển rừng nhưng chưa đạt tiêu chuẩn rừng…"; tại mục 1.2.1 quy định" "Thống kê, kiểm kê đối với đất đang có rằng và đất đang được sử dụng để phát triển rừng cho mục đích chủ yếu để cung cấp lâm sản; sản xuất, kinh doanh lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp; du lịch sinh thái, nghĩ dưỡng, giải trí; cung ứng dịch vụ môi trường rừng. Đất rừng sản xuất bao gồm đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên, đất có rừng sản xuất là rừng trồng và đất đang được sử dụng để bảo vệ, phát triển rừng".\Như vậy căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất, định nghĩa về đất lâm nghiệp, thẩm quyền xác định loại đất đủ cơ sở xác định thửa đất số 125(7) tờ bản đồ số 29 xã V là đất rừng sản xuất và UBND huyện ban hành Quyết định số 1491/QĐ-UBND ngày 25/9/2024, Quyết định hành chính số 810/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 và Quyết định số 811/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 là có cơ sở.

Đối với thửa đất số 125(24) tờ bản đồ số 29 xã V với diện tích 3.363,7m^2 nằm ngoài phạm vi thu hồi đất, tiếp tục sử dụng thuộc trường hợp không có giấy tờ về đất đai theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Luật Đất đai 2013. Căn cứ khoản 1 Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai 2013 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 thì trường hợp đnag sử dụng đất ổn định không có giấy tờ quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 11 Luật Đất đai 2013 mà không phải do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì loại đất được xác định theo hiện trạng đang sử dụng.

Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2025/HC-ST ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình (nay là Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị) đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 193, Điều 206 và Điều 348 Luật Tố tụng Hành chính;

Áp dụng khoản 1 Điều 18, điều 27 và Điều 28 Luật giải quyết khiếu nại 2011; Các Điều 11, 49, 66, 67, 68, 69 và Điều 105 Luật đất đai 2013; Điều 3 Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định 156/2018/NĐ- CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Thông tư số 27/2018/TT- BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ T3 quy định về kiểm kê, thống kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án;

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Mai Ngọc V về việc:

- Hủy toàn bộ đối với Quyết định số: 1491/QĐ-UBND, ngày 25/9/2024 của Chủ tịch UBND huyện Q về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

- Hủy một phần Quyết định hành chính số: 810/QĐ-UBND, ngày 16/5/2024 của UBND huyện Q phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ do giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án xây dựng công trình Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 đoạn qua huyện Q… cụ thể: hủy toàn bộ Điều 1 của quyết định này và toàn bộ Phụ lục đính kèm.

- Hủy một phần Quyết định hành chính số: 811/QĐ-UBND, ngày 16/5/2024 của UBND huyện Q về việc điều chỉnh Quyết định thu hồi đất do giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án xây dựng công trình Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 đoạn qua huyện Q… cụ thể: hủy toàn bộ Điều 1 của quyết định này và phần 2 của Phụ lục đính kèm.

- Lập lại phương án bồi thường trên cơ sở loại đất là đất trồng cây lâu năm đối với thửa đất các thửa đất số 125(7), 125(24) tờ bản đồ số 29 xã V theo Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UNND tỉnh Q quy định *"*Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2020 – 2024" đính kèm Phụ lục 1 về "Giá đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối tại các huyện, thị xã, thành phố*"* và yêu cầu bồi thường tổng giá trị toàn bộ số tiền 952.261.200 đồng do xác định lại loại đất.

- Đề nghị xác định loại đất là: Đất trồng cây lâu năm đối với phần diện tích 125(24) tờ bản đồ số 29 xã V cho ông Mai Ngọc V đối với diện tích 3.363,7 m^2.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/5/2025, người khởi kiện ông Mai Ngọc V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Người khởi kiện ông Mai Ngọc V giữ nguyên nội dung kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của mình.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên toà phát biểu: Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2025/HC-ST ngày 13/5/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử có căn cứ, đúng pháp luật; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không chấp nhận kháng cáo của ông Mai Ngọc V và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Ông Mai Ngọc V khởi kiện yêu cầu huỷ Quyết định số: 1491/QĐ-UBND ngày 25/9/2024 của Chủ tịch UBND huyện Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Mai Ngọc V (lần đầu), hủy một phần Quyết định số: 810/QĐ-UBND, ngày 16/5/2024 của UBND huyện Q phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ do giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án xây dựng công trình Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 đoạn qua huyện Q… và hủy một phần Quyết định số: 811/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của UBND huyện Q về việc điều chỉnh Quyết định thu hồi đất do giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án xây dựng công trình Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 đoạn qua huyện Q… và yêu cầu lập lại phương án bồi thường. Toà án cấp sơ thẩm xác định đây là các quyết định hành chính cá biệt và hành vi hành chính, làm phát sinh, thay đổi đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông Mai Ngọc V do đó thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và Điều 32 Luật tố tụng hành chính; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết và đã được Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Các Quyết định số 810/QĐ-UBND và Quyết định số 811/QĐ-UBND đều cùng ban hành ngày 16/5/2024; Quyết định số 1491/QĐ-UBND ban hành ngày 25/9/2024. Ngày 22/11/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận được đơn khởi kiện của ông Mai Ngọc V. Toà án cấp sơ thẩm căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính xác định vụ án còn thời hiệu khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật.

[1.3] Về việc vắng mặt những người tham gia tố tụng: Tại phiên toà hôm nay, người bị kiện Chủ tịch UBND huyện Q, UBND huyện Q có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch UBND xã T, tỉnh Quảng Trị mới; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UNBD xã V có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố

tụng là UBND xã T, tỉnh Quảng Trị mới đã được Toà án triệu tập hợp lệ. Do đó Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện cũng như nội dung kháng cáo của ông Mai Ngọc V, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính:

Ngày 20/6/2024, Ông Mai Ngọc V có đơn khiếu nại với nội dung yêu cầu huỷ một phần Quyết định số: 810/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 và hủy một phần Quyết định hành chính số: 811/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của UBND huyện Q. Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông V, UBND huyện Q đã thụ lý và Chủ tịch UBND huyện Q ban hành Quyết định số: 1491/QĐ-UBND ngày 25/9/2024 về việc giải quyết khiếu nại của ông Mai Ngọc V (lần đầu) là đúng về trình tự, thủ tục và thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 18, điều 27 Luật giải quyết khiếu nại 2011.

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 15/6/2018 của UBND tỉnh Q ban hành Quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình và các quyết định sửa đổi, bổ sung; Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 của UBND tỉnh Q quy định mức bồi thường, hỗ trợ các loại cây trồng, vật nuôi là thuỷ sản, phần lăng, mộ và chi phí di chuyển trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 05/01/2022 của UBND tỉnh Q ban hành quy định mức bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng trên đất khi Nhà nước thu hồi trên địa bàn tỉnh Quảng Bình và các Quyết định sửa đổi, bổ sung; Công văn số 464/TTg-CN ngày 25/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án xây dựng đoạn đường bộ cao tốc V - C; Quyết định số 695/QĐ-UBND ngày 23/4/2024 của UBND huyện Q về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường GPMB thực hiện Công trình: Đường bộ Cao tốc Bắc – Nam giai đoạn 2021-2025 đoạn qua huyện Q.

Ủy ban nhân dân huyện Q ban hành các Quyết định số: 810/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ do giải phóng mặt bằng thực hiện dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 đoạn qua huyện Q (Dự án thành phần đoạn V - C) - đợt 6 và Quyết định số: 811/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 về việc phê duyệt và điều chỉnh phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ do giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đường cao tốc; Chủ tịch UBND huyện Q ban hành Quyết định số 1491/QĐ-UBND ngày 25/9/2024 về việc giải quyết khiếu nại của ông Mai Ngọc V (lần đầu) là đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 49, 66, 67, 68 và Điều 69 Luật đất đai năm 2013.

[2.2] Về nội dung:

[2.2.1] Thửa đất số 125 (7) ngay từ ban đầu khi thực hiện dự án cơ quan có thẩm quyền là UBND huyện Q đã xác định là đất cây lâu năm (CLN) theo Thông báo thu hồi đất số 129/TB-UBND ngày 15/6/2022 của UBND huyện Q và chưa phát hiện ra sai sót để xác định loại đất đối với thửa đất này, chưa được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu xác định lại và phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 22/2016/TTLT-BNNPTNN-BTNMT.

Tuy nhiên sau khi thay đổi tên người sử dụng, quản lý đất từ UBND xã V sử dụng thành ông Mai Ngọc V sử dụng thì lại thay đổi loại đất từ đất trồng cây lâu năm thành đất rừng sản xuất. Việc tự ý thay đổi loại đất như trên ảnh đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông V là người sử dụng, quản lý đất.

[2.2.2] Tại Phiếu lấy ý kiến khu dân cư không thể hiện nội dung xác định loại đất đối với thửa đất số 125 (7), vì vậy, các cơ quan căn cứ Phiếu lấy ý kiến khu dân cư để xác định loại đất RSX là chưa có cơ sở.

[2.2.3] Theo Công văn số: 637/UBND-NN, ngày 07/6/2024 của UBND huyện Q và Công văn số: 607/CCKL-QLBVR, ngày 01/6/2024 của Chi cục kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Q đã xác định: "Các thửa đất số 125 (7), 125 (24) tờ bản đồ số 29 xã V không nằm trong quy hoạch của 52.324,09 ha đất rừng sản xuất huyện Q được xác định tại Phụ lục 02 đính kèm Nghị quyết số: 102/NQ-HĐND, ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Q".

Từ những căn cứ nêu trên có thể khẳng định: loại đất của thửa đất số 125 (7), tờ bản đồ số 29 xã V không phải là đất rừng sản xuất.

Tuy nhiên Toà án cấp sơ thẩm cho rằng UBND huyện Q căn cứ vào các hồ sơ liên quan, thành lập tổ công tác rà soát các loại đất đối với các thửa đất tại xã V và cho rằng diện tích thửa đất 125 (7) tờ bản đồ số 29 thuộc phạm vi thu hồi GPMB với diện tích 4.809,4m^2 là đất rừng sản xuất, đồng thời căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất ông V đang trồng keo từ trước đến nay để xác định đó đất rừng sản xuất là chưa có cơ sở vững chắc. Nhận định này mâu thuẫn với các văn bản của cơ quan quản lý, bảo vệ rừng của tỉnh Quảng Bình tại mục 2.2.3 ở phần nhận định trên.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện cũng như kháng cáo của ông Mai Ngọc V là có căn cứ. Vì vậy, cần chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Mai Ngọc V, sửa bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do chấp nhận một phần kháng cáo của người khởi kiện ông Mai Ngọc V, sửa bản án sơ thẩm nên ông V không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm; người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Mai Ngọc V, sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2025/HC-ST ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình (nay là Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị)

Áp dụng khoản 1 Điều 18, điều 27 và Điều 28 Luật giải quyết khiếu nại 2011; Các Điều 11, 49, 66, 67, 68, 69 và Điều 105 Luật đất đai 2013; Điều 3 Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định 156/2018/NĐ- CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án; Xử:

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Mai Ngọc V về việc:

- Hủy toàn bộ đối với Quyết định số: 1491/QĐ-UBND, ngày 25/9/2024 của Chủ tịch UBND huyện Q về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

- Hủy một phần Quyết định hành chính số: 810/QĐ-UBND, ngày 16/5/2024 của UBND huyện Q phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ do giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án xây dựng công trình Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 đoạn qua huyện Q… cụ thể: hủy toàn bộ Điều 1 của quyết định này và toàn bộ Phụ lục đính kèm.

- Hủy một phần Quyết định hành chính số: 811/QĐ-UBND, ngày 16/5/2024 của UBND huyện Q về việc điều chỉnh Quyết định thu hồi đất do giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án xây dựng công trình Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 đoạn qua huyện Q… cụ thể: hủy toàn bộ Điều 1 của quyết định này và phần 2 của Phụ lục đính kèm.

- Lập lại phương án bồi thường trên cơ sở xác định loại đất là đất trồng cây lâu năm đối với thửa đất các thửa đất số 125(7) bản đồ số 29 xã V theo Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UNND tỉnh Q quy định *"*Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2020 – 2024" đính kèm Phụ lục 1 về "Giá đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối tại các huyện, thị xã, thành phố*"* .

3. Không chấp nhận yêu cầu xác định loại Đất trồng cây lâu năm đối với phần diện tích 3.363,7 m^2 thuộc thửa đất 125 (24) tờ bản đồ số 29 xã V cho ông Mai Ngọc V vì nằm ngoài phạm vi thu hồi đất.

4. Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Chủ tịch UBND xã T, tỉnh Quảng Trị là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Chủ tịch và UBND huyện Q, tỉnh Quảng Bình (cũ) phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm. Ông Mai Ngọc V không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, được trả lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí sơ

thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0005206 ngày 19/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Mai Ngọc V không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, được trả lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0005436 ngày 02/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

5. Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2025/HC-ST ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình (nay là Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị) không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Anh Dũng